TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST- HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Q , sinh năm 1982; ĐKHKTT: Khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Khánh T , sinh năm 1983; ĐKHKTT: Khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh P. Hiện nay chị T đang lao động tại Đ.

(Anh - có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Khánh T đăng ký kết hôn ngày 07/11/2005 tại UBND xã V (Nay là phường V), thành phố V, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn t ự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận , hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm đó chị T đi xuất khẩu lao động tại Đ, đến tháng 10 năm 2016 chị có về thăm nhà , 10 ngày sau chị quay trở lại Đ. Từ đó tới nay chị T làm việc tại Đ và chưa quay trở lại Việt Nam. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau lâu ngày nên tình cảm lạnh nhạt dần. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Khánh T.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 16/10/2010. Khi ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Cháu N và cháu T đều có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Anh Q xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Q trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ của chị T ở Đ nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị T cho Tòa án được. Anh Q đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của chị T tại Đ thông qua bố mẹ đẻ của chị T là ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H có địa chỉ tại: Khu 8, phường V, thành phố V, tỉnh P.

Thân nhân của chị Nguyễn Thị Khánh T – Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Khánh T. Hiện nay, chị T đang làm việc tại Đ. Chị T thỉnh thoảng vẫn gọi điện về cho ông bà. Chị T chỉ nói với ông bà hiện đang ở Đ nhưng không nói rõ cụ thể ở đâu nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của chị T ở Đ cho Tòa án. Việc anh Q xin ly hôn chị T, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử cho anh Nguyễn Xuân Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Khánh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 16/10/2010 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị Khánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Xuân Q do anh Q không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Do anh Q xác định không có nên không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Xuân Q khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Khánh T là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, anh Q trình bày hiện chị T đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 6735/QLXNC-P5 ngày 19/5/2020 của Cục quản

lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 22) xác nhận "Nguyễn Thị Khánh T , sinh ngày 05/9/1983, khai địa chỉ ở khu 3, V, thành phố V, tỉnh P đã xuất nhập cảnh 3 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 06/12/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[2].Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị Khánh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn ngày 07/11/2005 tại UBND xã V (Nay là phường V), thành phố V, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau , bất đồng quan điểm sống , vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt , không có sự quan tâm , chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Xuân Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Khánh T.

Chị Nguyễn Thị Khánh T hiện đang ở nước ngoài, anh Nguyễn Xuân Q chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị T ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của chị T ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của anh Nguyễn Xuân Q, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác minh địa chỉ của chị T ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của chị T là ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H. Ông T, bà H xác nhận chị T hiện đang ở Đ, chị T thỉnh thoảng có gọi điện cho ông bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên ông bà không cung cấp được địa chỉ của chị T tại Đ cho Tòa án. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân , tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị Khánh T ngày 29/5/2020 (BL 34) thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa anh Q và chị T do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày nên không còn tình cảm . Năm 2013 chị Toàn đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Còn anh Q cùng hai con chung là cháu N và cháu T vẫn sinh sống tại khu 3, phường V, thành phố V, tỉnh P. Quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị Khánh T thời gian xa cách, tình cảm phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên việc anh Nguyễn Xuân Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Khánh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của anh Q được chấp nhận.

[3].*Về con chung*: Anh Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như N , sinh ngày 31/01/2008 và cháu Nguyễn Hoàng T , sinh ngày 16/10/2010. Khi ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi thành niên và không đề nghị chị T phải có nghĩa vụ c ấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét thấy chị Nguyễn Thị Khánh T hiện đang ở

nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Ngọc và cháu Thái; để đảm bảo cho cả hai cháu có điều kiện phát triển tốt nhất, cần giao cháu Nguyễn Thị Như N và cháu Nguyễn Hoàng T cho anh Nguyễn Xuân Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Xuân Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị Khánh T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, sông sức đóng góp*: Anh Nguyễn Xuân Q xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Xuân Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Khánh T.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 31/01/2008 và cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 16/10/2010 cho anh Nguyễn Xuân Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc, cháu Thái thành niên. Chị Nguyễn Thị Khánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Xuân Q do anh Q không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Khánh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3].*Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Anh Nguyễn Xuân Q xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4].*Về án phí*: Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0004205 ngày 08/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đ- ơng sự đ- ợc quyền làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ợc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P. V;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền